



MỐI QUAN HỆ GIỮA TRUYỀN THUYẾT THIÊN HỘ DƯƠNG VÀ LỄ HỘI GÒ THÁP

ThS Trần Minh Hường*

1. Đặt vấn đề

Lễ hội dân gian là một hình thức sinh hoạt văn hoá cộng đồng đặc biệt của nhân dân. Mỗi vùng miền đều có những hình thức sinh hoạt mang dấu ấn văn hoá đặc trưng của vùng đó. Trong khoảng chục năm trở lại đây, cùng với sự phát triển không ngừng về đời sống kinh tế, lễ hội có xu hướng bùng phát. Điều này đặt ra cho các nhà quản lý và nghiên cứu về văn hoá những vấn đề cần quan tâm.

Xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, Gò Tháp là khu quần thể có nhiều di tích có giá trị về văn hoá và lịch sử của tỉnh Đồng Tháp như: gò Tháp Mười, tháp Cổ Tự, gò Minh Sư, miếu Bà Chúa Xứ, mộ và đền thờ Đốc binh Kiều – Thiên hộ Dương, mộ Hoàng Cô. Tại đây, các nhà nghiên cứu đã phát hiện nhiều di chỉ, dấu vết của nền văn hoá Óc Eo, điều này cũng trùng với những phát hiện ở các địa phương khác như An Giang, Long An. Lễ hội Gò Tháp là một trong những lễ hội dân gian lớn của tỉnh Đồng Tháp nói riêng và khu vực miền Tây Nam Bộ nói chung. Hàng năm lễ hội được tổ chức hai lần vào các ngày 14 – 16 tháng 3 và 14 – 16 tháng 11 âm lịch. Trong vài năm gần đây, số lượng du khách hành hương về Gò Tháp tăng lên một cách đột biến. Tìm hiểu về lễ hội, chúng tôi nhận thấy giữa lễ hội Gò Tháp và truyền thuyết Thiên hộ Dương có mối quan hệ đặc biệt. Điều này không chỉ làm cho lễ hội Gò Tháp trở thành một sinh hoạt văn hoá dân gian độc đáo của nhân dân các tỉnh miền Tây Nam Bộ mà còn là một trong những nguyên nhân khiến cho lễ hội không ngừng lớn mạnh về quy mô và tầm ảnh hưởng.

* Trường Đại học Đồng Tháp.

Nhằm mục đích tìm hiểu những nét độc đáo cũng như nguyên nhân tạo nên sự hấp dẫn của lễ hội Gò Tháp, thấy được những đặc điểm của truyền thuyết Thiên hộ Dương và mối quan hệ với lễ hội, chúng tôi chọn đề tài *Mối quan hệ giữa truyền thuyết Thiên hộ Dương và lễ hội Gò Tháp* để nghiên cứu.

2. Nội dung

2.1. Thiên hộ Dương qua tư liệu lịch sử

Cho đến nay, quê quán, gốc tích của Thiên hộ Dương vẫn còn nhiều điểm các nhà nghiên cứu chưa thống nhất. Tác giả Nguyễn Hữu Hiếu trong công trình *Võ Duy Dương với cuộc kháng chiến Đồng Tháp Mười* viết: “Võ Duy Dương nguyên quán ở huyện An Nhơn (Bình Định), sinh năm 1927. Sử triều Nguyễn cho biết: khoảng tháng 5-1861 Võ Duy Dương (Chánh bát phẩm Thiên hộ) cùng một số người khác “được phái vào Nam mộ nghĩa quân ở các tỉnh Long-Tường-An-Hà. Một số tác giả cho rằng điều này có thể sớm hơn. Ông tìm đến đất Ba Giồng (Định Tường) chiêu dân lập ấp”. [7] Tác giả Thượng Hồng sau khi đưa ra “Phả đồ - Phả hệ sơ lược” của dòng họ Võ, trong tham luận *Võ Duy Dương người con của Quảng Ngãi trên đất Nam Bộ* đã khẳng định: “Võ Duy Dương sinh năm 1824 tại Nghĩa Hành, Quảng Ngãi. Năm 18 tuổi, ông theo cha vào Gia Định. Ông học rất giỏi nhưng không ý lại thế của cha. Ông không thích chốn quan trường nên bỏ học, theo luyện võ với một số thanh niên yêu nước đương thời như Trương Định, Trương Gia Hội, Nguyễn Thông, Âu Dương Lân. Kể cả bậc trưởng là thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa cũng thường gặp gỡ bàn chuyện với nhau”. [5]

Năm 2006, trong công trình *Truyền thuyết Thiên hộ Dương – Đốc binh Kiều* tái bản, Nguyễn Hữu Hiếu nêu rõ tiểu sử Võ Duy Dương như sau: “Võ Duy Dương là con trai thứ ba trong một gia đình nông dân ở thôn Cù Lâm Nam, thuộc phủ Tuy Viễn, trấn Bình Định (nay là thôn Nam Tượng, xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định), sinh năm 1827, em ruột của anh hùng chống Pháp Võ Duy Tân.”. [8: tr.4] Thông tin này cũng được cổng thông tin điện tử Đồng Tháp (dongthap.gov.vn) trích đăng. Tác giả Ngô Gia Thư với bài *Võ Duy Dương: Anh hùng chống Pháp trên đất Tháp Mười* đăng trên cổng thông tin điện tử Bình Dương cũng cho rằng: “Võ Duy Dương sinh năm 1827 tại làng Cù Lao Nam, xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn (Bình Định). Tổ tiên Võ Duy Dương ở miền Bắc, vào miền Trung sinh sống và định cư ở Bình Định, đến đời Võ Duy Dương là đời thứ 6.... Năm 28 tuổi, biết tin trong Nam có phong trào chống Pháp dấy lên mạnh mẽ, ông đã vào Nam ra đầu quân vào nghĩa quân của Trương Định, chiêu nạp dân nghèo lập ấp vừa sản xuất vừa sẵn sàng ứng chiến”. [13]

Ngoài ý kiến của nhà nghiên cứu Thượng Hồng ra, hầu hết các công trình khác đã khá thống nhất với nhau về quê quán của Thiên hộ. *Lịch sử Việt Nam từ*

nguồn gốc đến năm 1884 của Nguyễn Xuân Quang và Võ Xuân Đàn, khi viết về cuộc khởi nghĩa của Võ Duy Dương cũng cho rằng: “Võ Duy Dương nguyên quán ở huyện An Nhơn (Bình Định), sinh năm 1827”. [12: tr.401] Có thể trình bày những nét chính trong cuộc về diễn biến cuộc đời của Võ Duy Dương bắt đầu từ khi vào Nam như sau:

Năm 1857, hưởng ứng chính sách khai hoang của Nguyễn Tri Phương, Võ Duy Dương cùng một số bạn bè vượt biển vào Nam “tìm đến vùng đất Ba Giồng, ven Đồng Tháp Mười (nay thuộc địa bàn huyện Châu Thành, Cai Lậy, Cai Bè tỉnh Tiền Giang), quan hệ với nông dân, điền chủ, danh nho địa phương tìm chỗ dựa cho cuộc chiêu dân, khai hoang lập ấp” [7: tr.10]

Năm 1859, Pháp đánh Gia Định, ông bí mật trở về Huế để dâng kế đánh Pháp, triều đình cử ông đi dẹp loạn Thạch Bích ở Quảng Nam. Dẹp xong giặc Thạch Bích, ông được triều đình phong hàm Chánh bát phẩm Thiên hộ vào năm 1860. Năm 1861, ông được cử vào Nam chiêu mộ nhân dân đánh giặc. Thiên hộ đóng quân ở Bình Cách và liên kết với Trương Định, Trần Xuân Hoà, Đỗ Thúc Tịnh tạo thành một thế lực gây cho giặc Pháp nhiều thiệt hại. Năm 1862, triều đình ký hoà ước nhường ba tỉnh Biên Hoà, Gia Định, Định Tường cho Pháp nhưng bí mật phong cho Trương Định làm Bình Tây tướng quân, Võ Duy Dương làm Chánh đề đốc và Nguyễn Hữu Huân (Thủ khoa Huân) làm Phó Chánh đề đốc. Nhưng đến tháng 7 năm 1864, Thủ khoa Huân bị bắt, tháng 8 năm 1864, Trương Định hy sinh, lực lượng nghĩa quân có nguy cơ tan rã, “Thiên hộ Dương trở thành chỉ đạo chủ yếu của phong trào chống Pháp ở vùng Tiền Giang, lấy Đồng Tháp Mười làm căn cứ” [12: tr.402] và chinh đồn lực lượng. Tại đây, ông cùng với các tướng lĩnh như Đốc binh Kiều, Thống Linh... nhanh chóng triển khai và phát triển lực lượng. Đến năm 1865, nghĩa quân Thiên hộ bắt đầu tấn công giặc Pháp và đã có nhiều trận đánh lớn, gây hoang mang và thiệt hại nặng nề cho Pháp, trong đó có trận đánh đồn Mỹ Trà vào đêm 12 rạng ngày 22/7/1865 khiến cho giặc phải cầu viện binh từ Sài Gòn.

Đến tháng 4/1866, cùng với một số tên chỉ điểm dẫn đường, Pháp tập trung đánh vào khu căn cứ của nghĩa quân Thiên hộ. Sau gần mười ngày cầm cự, Thiên hộ đã rút khỏi Tháp Mười để bảo toàn lực lượng. Tình trạng nghĩa quân vô cùng khó khăn về cả lương thực lẫn vũ khí, lại bị triều đình và giặc Pháp truy lùng. Tháng 11 năm 1866, ông bí mật trở về Huế. Có giả thuyết cho rằng, ông đi bằng đường biển và bị cướp biển giết chết.

Như vậy, Thiên hộ Dương và Đốc binh Kiều là những nhân vật có thật của lịch sử. Cùng với những anh hùng cùng thời khác như Trương Định, Thủ khoa Huân, Nguyễn Trung Trực,... Thiên hộ Dương và Đốc binh Kiều là hiện thân cho tinh thần kháng Pháp của nhân dân Nam Bộ. Cuộc đời và sự nghiệp của hai ông gắn liền với Đồng Tháp Mười. Tên tuổi của hai vị đã được nhân dân Nam Bộ nói

chung và Đồng Tháp nói riêng nhắc đến như một sự biết ơn, tự hào về những chiến công hiển hách. Truyền Thuyết về Thiên hộ Dương – Đốc binh Kiều là một minh chứng như vậy. Đây chính là cơ sở để chúng tôi tiến hành nghiên cứu truyền thuyết Thiên hộ Dương – Đốc binh Kiều trong mối tương quan với các truyền thuyết chống Pháp cùng thời (đồng đại) và bước đầu có những so sánh với các truyền thuyết thời kỳ trước (lịch đại) nhằm làm nổi bật được đặc điểm của truyền thuyết Thiên hộ Dương (qua cứ liệu *Truyền thuyết Thiên hộ Dương – Đốc binh Kiều* do Nguyễn Hữu Hiếu sưu tầm và biên soạn, Hội Văn học – Nghệ thuật Đồng Tháp năm 2006).

2.2. *Truyền thuyết Thiên hộ Dương qua tài liệu sưu tầm nghiên cứu*

Chúng ta biết rằng, truyền thuyết là những truyện dân gian gắn chặt với lịch sử. Truyền thuyết có cốt lõi là lịch sử nhưng không phải lịch sử (sử học) vì nó không sao chép lịch sử một cách máy móc. Lịch sử đã đi vào truyền thuyết theo con đường của phương pháp sáng tác dân gian, được tư duy nghệ thuật của các tác giả dân gian nhào nặn lại theo hướng lý tưởng hoá. Nói cách khác, truyền thuyết đã phản ánh và lý giải lịch sử một cách độc đáo bằng những đặc trưng nghệ thuật và quan điểm của nhân dân.

Cuối thế kỷ XIX, và những năm đầu thế kỷ XX, trong một giai đoạn lịch sử ngắn ngủi nhưng đầy biến cố của nước nhà, rất nhiều người con ưu tú của Nam Bộ đã bước vào cuộc chiến mà không cần một sự tấn phong nào của triều đình. Họ “mến nghĩa mà làm quân chiêu mộ”¹ và đã trở thành những vị anh hùng của thời đại trong lòng nhân dân. “Vậy mà, trong bộ sử triều Nguyễn, hiếm hoi chỉ có tên tuổi của Trương Định, Nguyễn Hữu Huân kèm theo đôi dòng tóm tắt tiểu sử và lời biểu dương tinh thần kháng Pháp của các vị. Không hề được vinh danh trong đó hàng loạt anh hùng mà người dân Nam Bộ bao đời tôn thờ, tưởng nhớ: Nguyễn Trung Trực, Thiên hộ Dương, Phan Liêm - Phan Tôn, Lê Cần - Nguyễn Giao, Trần Văn Thành, Phan Công Hớn... Như để bù đắp cho sự khắt khe và khiếm khuyết ấy của chính sử, truyền thuyết đảm nhiệm vai trò là pho sử dân gian. Qua truyền thuyết, nhân dân đã lưu giữ những ký ức về lịch sử, tự phán xét lịch sử theo cách thức riêng của mình. Nhờ vậy, kho tàng văn học dân gian Nam Bộ đã có được một hệ thống truyền thuyết dân gian phong phú về những anh hùng chống giặc ngoại xâm” [1].

Có công đầu trong việc sưu tầm và biên soạn truyền thuyết Thiên hộ Dương phải kể đến nhà nghiên cứu văn hoá dân gian Nam Bộ - Nguyễn Hữu Hiếu. Năm 1987, ông cho ra đời công trình *Truyện dân gian Nam Bộ* (NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh), đến năm 1988, ông lại cho ra đời *Giai thoại dân gian Đồng Tháp Mười*, đến năm 1993, nhân dịp khánh thành đền thờ hai ông Thiên hộ Dương và Đốc binh Kiều, Nguyễn Hữu Hiếu cho xuất bản *Truyền thuyết Thiên hộ Dương - Đốc*

binh Kiều. Chúng tôi khảo sát những đặc điểm của truyền thuyết Thiên hộ cũng như mối quan hệ giữa truyền thuyết và lễ hội qua cứ liệu này.

Trong 24 truyền thuyết do Nguyễn Hữu Hiếu sưu tầm và biên soạn thì có đến 11 truyện liên quan trực tiếp đến Thiên hộ: *Ông Ngũ Linh Thiên hộ; Ông Năm Linh – bà Bảy Vàng; Đạo binh trâu; Thiên hộ Dương; Con trâu ra trận; Trận Mỹ Trà năm Ất Sửu; Thiên hộ Dương đấu guom với Đô đốc Bạc Má; Thiên hộ Dương dàn xếp môi bất hoà nội bộ; Thiên hộ Dương lâm nạn; Kẻ phản bội; Lai lịch ngày giỗ ông Thiên hộ*.

Những truyền thuyết nói về các tướng lĩnh của Thiên hộ bao gồm: *Độc binh Kiều đánh hoả công, Sự tích ông Thống Linh, Lai lịch Lãn binh Miên, Ông Tiên hiền làng Hào An, Chuyện ông Cả Huy; Sự tích vằm Bà Bảy, Bà Bướm, Thà chết chó không làm nô lệ, Ông Phòng Biểu – người hộ vệ của Thiên hộ Dương, Ông Phòng Biểu trị Phạm Khanh, Lai lịch ngôi mộ Độc binh Kiều, Dù thác nhưng chí thù chưa nguôi*.

Đứng trên quan điểm lịch sử, Trương Định là người có chức tước, tấn phong của triều đình lớn hơn Thiên hộ Dương. Nói về âm vang và sự hiển hách của các trận đánh Pháp phải kể đến trận đốt tàu Hy vọng trên sông Nhật Tảo của Nguyễn Trung Trực (tác giả Huỳnh Mẫn Đạt đã làm tặng ông bài thơ nổi tiếng lưu truyền rộng rãi, trong đó có câu: *Hoả hồng Nhật Tảo oanh thiên địa, Kiếm bạt Kiên Giang khóc quỷ thần*). Tuy nhiên khi khảo sát về truyền thuyết Nam Bộ thời đánh Pháp, chúng tôi nhận thấy số lượng truyền thuyết về Thiên hộ Dương chiếm số lượng phong phú hơn cả. Tác giả Võ Phúc Châu (4) đã có một bảng thống kê khá hoàn chỉnh như sau:

	Nhóm truyền thuyết	Mảng truyện	Số lượng Tỷ lệ %
Hệ thống truyền thuyết dân gian về cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ (1858 – 1918)	1. Địa danh	1.1. Liên quan đến cuộc khởi nghĩa của Thiên hộ Dương	13 tác phẩm (15,5%)
		1.2. Liên quan đến những cuộc khởi nghĩa khác	
	2. Về cuộc khởi nghĩa của Trương Định	2.1. Về Trương Định	11 tác phẩm (13,1%)
		2.2. Về nhân vật, sự kiện liên quan đến cuộc khởi nghĩa của Trương Định	
	3. Về cuộc khởi nghĩa của Thiên hộ Dương	3.1. Về Thiên hộ Dương	22 tác phẩm (26,2%)
		3.2. Về tướng lĩnh của Thiên hộ Dương	
		3.3. Về nhân vật, sự kiện liên quan đến cuộc khởi nghĩa của Thiên hộ Dương	
	4. Về cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Trung Trực	4.1. Về Nguyễn Trung Trực	13 tác phẩm (15,5%)
		4.2. Về nhân vật, sự kiện liên quan đến cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Trung Trực	
	5. Về những cuộc khởi nghĩa khác	5.1. Về cuộc khởi nghĩa của Thủ khoa Huân	25 tác phẩm (29,8%)
		5.2. Về những cuộc khởi nghĩa ở miền Đông Nam Bộ	
		5.3. Về những cuộc khởi nghĩa ở miền Tây Nam Bộ	
Tổng cộng	5 nhóm	12 mảng truyện	84 tác phẩm (100%)

2.3. Đặc điểm truyền thuyết Thiên hộ Dương

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy truyền thuyết Thiên hộ Dương có những đặc điểm cơ bản:

a) Về nhân vật

Trong các truyền thuyết về Thiên hộ Dương, *sự xuất thân của nhân vật* được miêu tả: “Thiên hộ Dương, tên thật là Võ Duy Dương, xuất thân trong một gia đình nghèo, cha mất sớm. Ngay từ lúc nhỏ đã có tiếng khoẻ mạnh và ăn nhiều, mẹ ông tần tảo hôm sớm nhưng không sao kiếm đủ cái ăn cho ông”. (truyện *Ngũ Linh Thiên hộ*, tr.20). Dựa vào bảng trên, chúng ta có thể thấy sự ra đời của Thiên hộ Dương có sự kết hợp của hai motif: *khác thường, hơn đời ngay từ nhỏ* và *xuất hiện trong hoàn cảnh nghèo khổ*. Sự ra đời này có chức năng dự báo về tài năng và chiến công của nhân vật. Cũng cần phải thấy rằng, sự ra đời của nhân vật bình thường (trong sinh nở), trong một gia đình nông dân bình thường đã làm cho hình tượng nhân vật gần gũi với cổ tích hơn những nhân vật ra đời mang motif sinh nở thần kỳ mang dấu ấn huyền thoại cổ như trong các truyền thuyết đời trước. Không thuộc motif sinh nở thần kỳ, nhưng sự xuất hiện *khác thường, hơn người ngay từ nhỏ* của nhân vật Thiên hộ như một sự lựa chọn mang tính dự báo cho những chiến công về sau.

- Tài năng và chiến công của nhân vật:

Như đã nói ở phần trên, sức khoẻ của nhân vật hơn người đã dự báo cho một tài năng tương ứng. Thiên hộ Dương có sức khoẻ bằng nhiều người khác vì thế mà thuở nhỏ, nhân vật đã vô ý làm chết người bạn chăn trâu. Sau khi được làm con nuôi của quan phủ và theo ông về kinh, Thiên hộ lại thể hiện sức mạnh của mình qua việc một mình kéo bè gỗ quý của vua đi ngược dòng nước – việc mà cả toán lính lúc đó không làm được. Tại kinh đô, ông cử một cái đỉnh đồng nặng mấy trăm cân đi mười bước, rồi để xuống nhẹ nhàng, mặt không biến sắc. Thiên hộ Dương còn được miêu tả là người rất giỏi võ nghệ. Một mình ông cưỡi trâu dưới kinh mà cả ba tướng (cũng tài giỏi võ nghệ) của ông đánh không lại. Tài trí của Thiên hộ được mọi người khâm phục nhưng không mang tính siêu nhiên kỳ ảo. Trong đánh trận, ông là người anh dũng, túc trí đa mưu nhưng trong đời thường, Thiên hộ gần gũi, chan hoà với tướng sỹ. Ông cũng ngâm thơ, uống rượu, kể chuyện ngày xưa để hoà giải mối bất hoà giữa hai tướng của mình (Thiên hộ Dương dàn xếp mối bất hoà nội bộ). Đặc điểm tài năng này logic với những chiến công của nhân vật. Các chiến công của Thiên hộ và nghĩa quân giành được chủ yếu nhờ vào sức mạnh và ý chí tự thân của họ, dựa vào sự giúp đỡ của nhân dân. Điều này khác với chiến công của nhân vật trong các truyền thuyết đời trước, một phần dựa vào sự trợ giúp thần kỳ.

- Kết cục của nhân vật:

Cho đến nay, cái chết của Thiên hộ vẫn là một bí ẩn. Có ba giả thuyết đưa ra, mỗi giả thuyết đều căn cứ vào những cứ liệu nhất định nhưng chưa một giả

thuyết nào được nhân dân và các nhà nghiên cứu thống nhất. Truyền thuyết *Thiên hộ Dương lâm nạn* kể rằng, sau khi Thập Mươi thất thủ, ông giao lại binh quyền cho Đốc binh Cần, cải trang làm một viên quan triều đình ngồi ghe bầu tiến ra biển thì bị một toán cướp chặn đường giết chết. Hỏi ra mới biết là ngài Thiên hộ - em kết nghĩa của mình, tướng cướp liền cho chôn cất tử tế rồi giải nghệ luôn.

Cuộc kháng chiến của Thiên hộ đã thất bại, nhưng hình ảnh người anh hùng chống Pháp trên đất Thập Mươi vẫn được nhân dân ngợi ca, lưu truyền. Về kết cục của nhân vật, phần lớn các nhân vật truyền thuyết thời trước có các motif hoá thân để trở thành bất tử trong lòng nhân dân. Ở đây, Thiên hộ Dương thuộc motif được nhân dân thờ phụng và hiển linh. Truyện *Lai lịch ngày giỗ ông Thiên hộ* kể rằng, vào năm nọ, dân Gò Tháp trúng mùa nên ăn một cái tết khá sung túc. Vào mừng 3 tết, có một anh mang bánh đi biếu cha trong xóm, đi qua mộ ông Thiên hộ, thấy có một người đứng tuổi, đầu bịt khăn be, mang giày ống như các võ quan ngày xưa, từ chỗ ngôi mộ đi vào miếu thì biến mất. Anh nọ kể với mọi người, họ cho rằng đó là anh linh của ngài Thiên hộ. Từ đó nhân dân lấy ngày 03 tháng giêng hàng năm làm ngày giỗ ngài.

b) Về không gian

Không gian trong truyền thuyết Thiên hộ là những không gian gắn với những địa danh, địa bàn hoạt động của Thiên hộ và nghĩa quân của ông như: Cao Lãnh, Mỹ Trà, các làng, các ấp hay cánh đồng Gò Tháp đầy cỏ dại và lau sậy... Nhìn chung không gian mang đậm dấu ấn đời thường của vùng sông nước Nam Bộ nhiều sông rạch, kênh ngòi... Có thể nhận thấy không gian ở đây trùng với không gian lịch sử, với những chiến công của Thiên hộ. Điều này khác với những kiểu không gian thiêng mang tính biểu tượng của thần thoại trong các truyền thuyết đời trước. (2)

c) Về thời gian

Thời gian trong truyền thuyết Thiên hộ Dương được sắp xếp theo trật tự tuyến tính, từ khi ông còn là đứa trẻ chăn trâu ở đợ, rồi lớn lên, bộc lộ tài năng xuất chúng của mình cho đến khi đánh Pháp và sau đó lâm nạn. Trên phương diện lịch sử, Thiên hộ Dương là nhân vật có nguồn gốc, quê quán, năm sinh (1827), năm mất (1866) nhưng trong chuỗi truyền thuyết về ông không có truyện nào kể về những chi tiết thời gian này. Thời gian được tập trung khắc hoạ chủ yếu là thời gian Thiên hộ chiêu binh và đánh Pháp ở Đồng Tháp. Các mốc thời gian ở đây luôn gắn với những diễn biến của các sự kiện lịch sử, các trận đánh của nghĩa quân từ năm 1862 (Triều đình ký hoà ước nhường ba tỉnh Biên Hoà, Gia Định, Định Tường cho giặc) đến khi ông mất (1866). Truyện *Trận Mỹ Trà năm Ất Sửu* ghi rất chi tiết về sự kiện này: “Ba giờ sáng ngày 22 - 7 - 1865 hơn một trăm nghĩa quân với ba mươi sáu súng, hai khẩu đại bác cùng với nhiều gươm giáo khởi sự tấn công Mỹ Trà”. Như vậy, thời gian ở đây chủ yếu là thời gian của các sự kiện

lịch sử, “thời gian ngưng đọng khi người anh hùng lặng lẽ hy sinh. Thời gian kết tụ trong lòng biết ơn, niềm thương nhớ của người dân Gò Tháp... Cách diễn tả thời gian trong các truyện này thật gần với cổ tích: bắt đầu từ “ngày xưa”, “thời đó”, rồi “một hôm” sang “ngày nọ”; hết “từ đó” đến “ít lâu sau”...” [1].

So sánh với truyền thuyết về Trương Định, Thủ khoa Huân, Nguyễn Trung Trực, chúng tôi nhận thấy thời gian về cuộc đời của Thiên hộ được phản ánh trong truyền thuyết khá mơ hồ. Sự mơ hồ này là kết quả phản ánh và nhận thức của nhân dân về người anh hùng. Nó khác với thời gian thật của chính sử. Sự mờ hoá về thời gian kết hợp với không gian Gò Tháp “muối kêu như sáo thổi, địa lợi tựa bánh canh” của vùng đầm lầy được đồn thổi nhiều bí hiểm ấy đã làm cho cuộc đời Thiên hộ Dương từ cụ thể, xác định của chính sử đi vào trong truyền thuyết mang đậm không khí huyền ảo.

Tóm lại, truyền thuyết Thiên hộ Dương về cơ bản mang những đặc trưng của thể loại truyền thuyết anh hùng chống giặc của truyền thuyết người Việt nói chung và truyền thuyết chống Pháp ở Nam Bộ nói riêng. Tuy nhiên đây là nhóm truyền thuyết ra đời vào thời cận đại nên những yếu tố hoang đường, kỳ ảo trong cách xây dựng hình tượng và chiến công của nhân vật không đậm như những truyền thuyết đời trước. Nguyên tắc xây dựng không gian và thời gian cũng mang tính đời thường, gần với cổ tích hơn. Có thể nói, truyền thuyết Thiên hộ Dương là bản anh hùng ca của nhân dân về người anh hùng chống Pháp, là niềm tự hào của nhân dân Đồng Tháp nói riêng và của nhân dân Nam Bộ nói chung về những người anh hùng xả thân vì nghĩa. Chuỗi truyền thuyết này không chỉ làm phong phú thêm kho tàng văn học dân gian Nam Bộ mà còn bổ sung vào kho tàng truyền thuyết của người Việt.

2.4. Lễ hội Gò Tháp

Lễ hội Gò Tháp là một trong những lễ hội lớn của tỉnh Đồng Tháp, một năm được tổ chức hai lần vào 14 - 16 tháng 3 và 14 - 16 tháng 11 âm lịch tại khu di tích Gò Tháp, thuộc xã Tân Kiều, tỉnh Đồng Tháp. Trong vòng vài năm trở lại đây, lễ hội Gò Tháp nổi lên như một hiện tượng văn hoá rất đáng chú ý. Số lượng du khách về hành lễ không ngừng tăng lên một cách nhanh chóng (năm 2004 - 2005 có khoảng 80 - 100 ngàn lượt khách thì năm 2007, con số này đã tăng lên hơn ba lần). Từ lễ hội của làng, có phạm vi địa phương, lễ hội Gò Tháp đã nhanh chóng trở thành một lễ hội lớn của khu vực Miền Tây nói riêng và của Nam Bộ nói chung.

Tác giả Lê Hồng Lý cho rằng, lễ hội Gò Tháp thực chất là lễ hội Bà Chúa Xứ. [10] Tuy nhiên theo chúng tôi, lễ hội Gò Tháp được tổ chức mỗi năm hai lần với hai đôi tượng và ý nghĩa khác nhau. Lần thứ nhất vào tháng 3 âm lịch (từ chiều 14 đến rạng sáng 16) là lễ hội Bà Chúa Xứ. Lễ hội tháng 11 (từ chiều 14 đến rạng sáng 16) là lễ hội tưởng nhớ (thực chất là ngày giỗ) hai vị anh hùng dân tộc Thiên hộ Dương (Võ Duy Dương) và Đốc binh Kiều (Nguyễn Tấn Kiều). Về Lễ hội Bà Chúa Xứ vào

tháng 3, tác giả Lê Hồng Lý nhận định “phần nào giống đền Bà Chúa Kho ở Bắc Bộ vì người đến đây chủ yếu cầu tài, cầu lộc, làm ăn và hành hương đi lễ”. [10] Nhìn chung các nghi thức của hai lần lễ này không có nhiều khác biệt. Phần Lễ, ngoài nghi thức cúng Bà, cúng Ông thì những lễ khác bao gồm:

- Lễ Cầu An, diễn ra từ chiều ngày 15.
- Lễ Thỉnh Sanh, diễn ra từ 01 giờ ngày 16.
- Lễ cúng thần Nông, diễn ra từ lúc 03 - 04 giờ ngày 16.

Các đồ vật cúng tế cơ bản là giống nhau. Nói là giỗ Ông, cúng Bà nhưng thực chất vào dịp tháng 3 hay tháng 11 thì đều cúng lễ cả hai bên. Từ lâu trong tâm thức tín ngưỡng của người dân Gò Tháp, Đền Ông và Miếu Bà đã trở thành một cặp Nam - Nữ không thể tách rời. Sở dĩ có điều này là vì đền Ông và miếu Bà nằm cạnh nhau, hơn nữa trong quan niệm của dân, có ông thì phải có bà; cúng ông thì kiếng bà và ngược lại cúng bà thì kiếng ông (dù ông, bà ở đây là hai hình tượng khác nhau về nguồn gốc và tín ngưỡng). Đây chính là nguyên nhân dẫn đến vì sao không có nhiều khác biệt trong nghi thức hành lễ giữa hai lần lễ hội: giỗ Ông và lễ Bà.

Nội dung văn tế trong lễ hội là ca ngợi công đức của các bậc tiền nhân, cầu khẩn đất trời, cho "quốc thái, dân an", mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu... Ngoài phần lễ, phần hội rất phong phú các mục như múa hát, trò chơi dân gian, các hoạt động văn hoá, nghệ thuật. Đến với lễ hội Gò Tháp, nhân dân tạm quên đi những vất vả của cuộc sống thường nhật để tìm đến với nhau, cùng vui chơi và cùng đồng cảm hướng về cái thiện.

Nhìn chung, với số lượng khách về hành lễ trong những năm gần đây đã chứng tỏ quy mô và sự ảnh hưởng của một lễ hội. Lễ hội Gò Tháp đã trở thành một lễ hội lớn, vượt ra khỏi phạm vi địa phương của tỉnh Đồng Tháp để trở thành một lễ hội mang tính chất vùng, miền. Sở dĩ như vậy, theo chúng tôi có những nguyên nhân sau đây:

+ Thứ nhất: Trong những năm gần đây, điều kiện kinh tế của nhân dân vùng Miền Tây nói riêng và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói chung không ngừng được nâng cao. Do vậy mà đông đảo nhân dân có điều kiện về kinh tế để đi dự lễ, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng tâm linh của họ - một nhu cầu mà theo chúng tôi đời sống xã hội càng phát triển thì nhu cầu này ngày càng lớn.

+ Thứ hai: Hệ thống cơ sở hạ tầng của Đồng Tháp không ngừng được cải thiện. Trung tâm khu di tích không ngừng được tôn tạo; hệ thống giao thông ngày nay đã thuận tiện và đa dạng hơn rất nhiều nên tạo thuận lợi cho người dân đi lại.

Trước đây muốn vào Gò Tháp chỉ có một phương tiện chủ yếu là đi xuống, nhưng bây giờ xe ô tô, xe máy, xuồng ghe đều có thể đi lại thuận tiện.

+ Thứ ba: Như chúng tôi đã trình bày, khu di tích Gò Tháp là một quần thể gồm 05 điểm, trong đó có cả chùa, đình, miếu. Đây là một vùng đất thiêng, có sự giao thoa, quy tụ những hình thức văn hoá tín ngưỡng khác nhau: giữa tôn giáo (chùa), tín ngưỡng dân gian (Bà Chúa Xứ và tục thờ nhớ ơn các anh hùng có công đánh giặc cứu nước). Trong quần thể di tích ấy, ẩn hiện những dấu vết của một thành phố cổ đã bị vùi lấp (nền văn hoá Óc Eo của vương quốc Phù Nam đã được khai quật có niên đại trên 1500 năm); một đền thờ hai vị anh hùng nổi tiếng mà sự hiển linh của họ qua nhiều giai thoại nhân dân vẫn rất tin; một Bà Chúa Xứ qua bao đời nay nhân dân vẫn tôn kính thờ phụng. Sự quy tụ ngẫu nhiên của ba loại hình phổ biến trong tín ngưỡng tâm linh của người Việt này đã tạo nên cho Gò Tháp một đặc điểm độc đáo, thú vị. Về dự lễ hội Gò Tháp, người dân cùng một lúc được đi lễ chùa, vừa được cúng Ông để bày tỏ lòng biết ơn đối với những bậc tiền nhân có công với nước với dân, vừa được lễ Bà, vừa được tận mắt chứng kiến những di chỉ văn hoá của một vương quốc trong quá khứ đã bị vùi lấp. Điều này thu hút được nhiều tầng lớp nhân dân về dự lễ.

+ Thứ tư: Như chúng ta đã biết, *lễ hội* gồm có hai phần, phần *hội* và phần *lễ*. Khách đến dự lễ hội có nhiều tầng lớp. Đa số những người lớn tuổi đến đây để đi lễ (lễ bà, lễ ông, lễ chùa) qua đó để cầu an, cầu may. Một số lượng du khách là thanh niên nam nữ chủ yếu đi hội hơn là đi lễ. Họ đến đây để mua bán, vui chơi, để giao lưu tìm bạn. Chúng tôi tiến hành phỏng vấn một số bạn trẻ từ Thành phố Hồ Chí Minh xuống thì họ cho rằng “họ đến vì tò mò, vì nghe nói lễ hội này lớn và có tiếng là linh”. Ngoài sự hấp dẫn của các dịch vụ mua bán và vui chơi giải trí, ban tổ chức lễ hội còn có một hình thức khá độc đáo nữa là nấu cơm chay ở chùa (và đồ ăn mặn ở Đình) để nhân dân ai có nhu cầu, có thể ăn uống mà không mất tiền. Tại đây có một đội ngũ tình nguyện viên đông đảo của địa phương sẵn sàng phục vụ 24/24h suốt những ngày lễ hội. Điều này cũng tạo được một sự thu hút hấp dẫn cho nhân dân về dự hội.

Trong các nguyên nhân dẫn đến sự thành công và không ngừng mở rộng quy mô cũng như số lượng khách tham dự của lễ hội như vừa phân tích ở trên, chúng tôi nhận thấy truyền thuyết về hai vị anh hùng Thiên hộ Dương và Đốc binh Kiều có một mối quan hệ đặc biệt.

2.5. Mối quan hệ giữa truyền thuyết Thiên hộ Dương và lễ hội Gò Tháp

Chúng ta biết rằng trong tâm thức dân gian, vị trí của người anh hùng có công với nước với dân vô cùng lớn lao. Lễ hội và truyền thuyết về người anh hùng

nhìn chung đều phản ánh nhân vật mà nhân dân tưởng nhớ, ngợi ca. Theo thống kê của tác giả Lê Văn Kỳ thì trong 118 lễ hội ở Bắc Bộ có đến 44% lễ hội về người anh hùng. [11: tr.101] Qua đặc điểm của truyền thuyết Thiên hộ Dương (như đã trình bày ở phần 1), vì là những truyền thuyết thời cận đại nên yếu tố thần kỳ rất mờ nhạt. Dù vậy, xu thế của truyền thuyết, đặc biệt là truyền thuyết về các vị anh hùng, là thiêng hoá, thần thánh hoá hình tượng người anh hùng. Những nhân vật lịch sử được nhân dân tôn thành thần thường có hai dạng: thứ nhất là các bậc đế vương, các danh tướng được sử sách ghi công (được nhà nước phong kiến sắc phong); thứ hai là những nhân vật có công với nhân dân nhưng không được nhà nước phong kiến vinh phong và cũng ít được sử sách nói đến. Họ được “dân phong”. Nói chung, để được nhân dân *thần thánh hoá* thì những nhân vật lịch sử phải có một tiêu chí đầu tiên là “hộ quốc” hoặc “an dân”. Ở đây, Thiên hộ Dương, Đốc binh Kiều thuộc kiểu thứ hai: được dân phong.

Con đường thiêng hoá các nhân vật lịch sử trong tâm thức nhân dân thường bắt đầu bằng một chi tiết nào đó của cuộc đời thật trong tiểu sử rồi huyền thoại hoá nó lên, thêm vào những yếu tố tưởng tượng để nhân vật trở thành một con người tầm vóc, tôn kính. Chính những hư cấu này tạo nên màu sắc hư ảo, hoang đường, một mặt làm cho nhân vật lịch sử trở nên sống động trong hồi ức của nhân dân, mặt khác các truyền thuyết cộng với các nghi lễ thờ cúng lại làm cho nhân vật truyền thuyết được thiêng hoá trong tâm thức của con người. Thiên hộ Dương và Đốc binh Kiều trở thành *Ngài, Quan Lớn Thượng*, được thờ phụng một cách trọng thể. Rất nhiều đình làng ở Đồng Tháp thờ hai ông như đình Xuân Trường, đình Phú Đức, đình Phú Hiệp². Sức sống của một nhân vật lịch sử được truyền thuyết hoá không chỉ được thể hiện qua sự hoá thân hay thờ cúng của nhân dân mà còn thể hiện rất rõ qua những huyền thoại mang tính tâm linh mà nhân dân vẫn truyền tụng. Trong dân gian Đồng Tháp và các vùng lân cận hiện nay vẫn truyền nhau rất nhiều huyền thoại về hai nhân vật lịch sử này. Chuyện thứ nhất có thể kể đến là khi Ngài hiển linh cho một người dân nhìn thấy, để từ đó nhân dân lấy làm ngày giỗ (truyện *Lai lịch ngày giỗ ông Thiên hộ*). Về ngôi mộ của ngài Đốc binh cho đến nay chưa có một cơ sở khoa học nào xác định được nhưng nhân dân đã xác định bằng con đường tâm linh. Một chuyện kể về vị trí ngôi mộ như sau: Có một gia đình đào huyệt để chôn cất người nhà không may vừa qua đời. Huyệt đào xong chưa kịp chôn thì cả gia đình đổ bệnh đau ốm một cách bất thường. Họ tìm cách chạy chữa mà không khỏi, cuối cùng có người báo tại vì động đến mộ cụ. Quả nhiên, gia đình nọ cho huyệt lấp xong, cả nhà tự dung lành bệnh. Từ đó người ta tin đó là nơi chôn cất cụ Đốc binh. Liên quan đến sự linh thiêng của ngôi mộ, người dân kể rằng: Một lần có nhà khảo cổ học người Pháp dùng các bước chân để đo kích thước ngôi mộ liền bị Ngài quở làm cho què chân; Một viên quan Pháp khác đến trước mộ mà vẫn ngồi trên lưng ngựa, tự dung con ngựa lồng lên,

hát viên quan Pháp xuống đất làm cho hấn bị gãy chân. Một chuyện khác kể rằng, thời chống Mỹ, bom thả xuống rất nhiều. Trong khi tất cả các trái khác đều nổ thì riêng trái bom rơi xuống ngay cạnh mộ cụ không nổ. Điều này càng khẳng định niềm tin của nhân dân, đó đúng là nơi chôn cất cụ. Nhân dân vẫn truyền tai nhắc nhở nhau rằng, dinh thờ hai Ngài rất thiêng, ai đi qua cũng phải cúi mở nếu không sẽ bị Ngài quở. Một lần có người nọ đi qua dinh hát hò không dâng hoàng liền bị Ngài quở phạt làm cho mất tiếng.

Những huyền thoại, đồn đại này nhanh chóng được nhân dân truyền tụng làm cho không chỉ cuộc đời của hai ông trở nên huyền ảo mà còn tạo ra một bầu không khí linh thiêng bao trùm lên khu di tích. Cùng với lòng biết ơn, ngưỡng mộ của nhân dân về hai vị anh hùng, không khí mờ ảo, linh thiêng, hư thực ấy đón đúng vào tâm lý tín ngưỡng và niềm tin của nhân dân đi dự lễ, tạo nên một sức hấp dẫn lớn cho lễ hội. Sự thiêng hoá ấy không chỉ diễn ra trong quá khứ mà còn cả trong hiện tại.

Chúng ta biết rằng, một trong những con đường hình thành tín ngưỡng dân gian là việc thần hoá một nhân vật lịch sử bằng phương thức dân gian hoá, huyền thoại hoá. Truyền thuyết Thiên hộ Dương – Đốc binh Kiều chưa trở thành một tín ngưỡng dân gian độc lập, song qua tìm hiểu về mối quan hệ của cụm di tích, chúng tôi nhận thấy, Dinh ông (dinh thờ Thiên hộ Dương – Đốc binh Kiều) chiếm một vị trí rất quan trọng không chỉ về mặt không gian mà còn đối với mặt tín ngưỡng. Các huyền thoại về người anh hùng cùng với lòng biết ơn đối với họ đã nhanh chóng hoà vào một số tín ngưỡng dân gian, tôn giáo khác như tín ngưỡng Bà Chúa Xứ, đạo Phật. Điều này tạo cho cụm di tích Gò Tháp mang những sắc thái tín ngưỡng tâm linh độc đáo mà trong đó, lý do để hình thành nên tín ngưỡng tâm linh này là xuất phát từ lòng yêu nước, biết ơn các vị anh hùng đã có công đánh giặc. (Theo số liệu của Ban tổ chức Lễ hội, ngày giỗ Ông luôn có số lượng khách đông hơn ngày lễ Bà. Số tiền mà nhân dân phúng viếng tại dinh ông cũng chiếm đa số. Dựa vào những thông tin này có thể thấy xu hướng người dân đến lễ, tưởng nhớ hai ông vẫn nhiều nhất. Điều này càng chứng minh nhận định trên của chúng tôi là có cơ sở).

Nếu quần thể di tích ở Gò Tháp đóng vai trò là “bệ đỡ cho lễ hội” [10] thì truyền thuyết về hai vị anh hùng dân tộc chính là rường cột của “bệ đỡ” ấy. Như vậy, một mặt lễ hội Gò Tháp là môi trường diễn xướng của truyền thuyết về hai vị anh hùng dân tộc, mặt khác truyền thuyết về hai ông chính là cái khung, là yếu tố cốt lõi để cố định hoá và ổn định hoá lễ hội. Điều này quy định các nghi thức của lễ hội như: ngày hội, lễ cúng tế, rước tượng, các vật cúng tế hay những điều kiêng kỵ,... Tuy nhiên, lễ hội Gò Tháp không đơn thuần thuộc kiểu lễ hội tái hiện toàn bộ sự nghiệp và công đức của nhân vật truyền thuyết.

Lễ hội và truyền thuyết nhìn chung đều phản ánh về người anh hùng nhưng truyền thuyết với lợi thế về đặc điểm của nghệ thuật ngôn từ có thể chuyển tải một cách chi tiết, đầy đủ về cuộc đời và sự nghiệp của nhân vật. Còn lễ hội với giới hạn không gian và thời gian cũng như những đặc trưng của các trò diễn xướng chỉ có thể tái hiện một phần, một chi tiết nào đó của truyền thuyết. Đặc điểm này cũng được thể hiện qua nghi thức rước tượng, đóng vai hình tượng người anh hùng, tái hiện một đoạn nào đó của trận đánh³... một số trò diễn mang tính gợi nhắc về tài nghệ cũng như chiến công của nhân vật. Khi lễ hội tái hiện lại một cảnh, một chi tiết nào đó, là lúc truyền thuyết đã được cụ thể hoá bằng hình thức diễn xướng với sự tham gia đông đảo của nhân dân. Ở đây, nhân vật truyền thuyết đóng vai trò trung tâm, là nguồn gốc tác động trực tiếp đến lễ hội. Chính lòng biết ơn, tưởng nhớ các vị anh hùng của nhân dân là cơ sở để gắn kết những niềm tin và tín ngưỡng khác của nhân dân, tạo nên những sinh hoạt, những thành tố nghệ thuật phong phú trong lễ hội.

2.6. Một vài ý kiến đề xuất

Với sự thu hút mạnh mẽ của một lễ hội độc đáo, với số lượng du khách về hành lễ không ngừng tăng lên hàng năm, có thể nói lễ hội Gò Tháp đã trở thành một trong những điểm đến yêu thích, thoả mãn nhu cầu tín ngưỡng tâm linh của đông đảo nhân dân trong khu vực. Điều này mở ra cho ngành du lịch Đồng Tháp những tiềm năng và triển vọng rất lớn. Nhận thức rõ điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã thiết lập một dự án quy mô nhằm biến những tiềm năng thành lợi ích. Dự án có tổng kinh phí đầu tư lên đến hơn 800 tỷ đồng, tổng quy hoạch mặt bằng 300ha. Trong đó có nhiều dự án nhỏ và các hạng mục khác nhau, bao gồm: Dự án *Bảo tồn tôn tạo, phát huy giá trị văn hoá di tích lịch sử khảo cổ Gò Tháp* có diện tích quy hoạch 50ha, với dự toán kinh phí khoảng 100 tỷ đồng. Những hạng mục còn lại là khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí, khu nuôi thú. Theo ông Nguyễn Hữu Lý, Giám đốc khu di tích thì dự án đã được phê duyệt và sẽ khởi công trong năm 2009, dự kiến hoàn thành vào năm 2011. Số vốn huy động chủ yếu từ các nguồn đầu tư. Riêng Dự án *Bảo tồn tôn tạo, phát huy giá trị văn hoá di tích lịch sử khảo cổ Gò Tháp* được lấy nguồn kinh phí từ Bộ Văn hoá và địa phương. Sự kết hợp giữa văn hoá lễ hội và du lịch sinh thái tại Gò Tháp theo chúng tôi là một hướng đi đúng đắn, có nhiều lý do để hy vọng về sự thành công. Tuy vậy, để phát huy hơn nữa những giá trị và lợi ích trực tiếp, gián tiếp từ lễ hội, cũng như bảo tồn được những giá trị văn hoá, lịch sử nội tại của khu di tích, Ban quản lý khu di tích, Ban tổ chức lễ hội và các ban ngành chức năng vẫn còn nhiều việc phải làm. Hàng năm với số lượng nhân dân về dự lễ lớn như vậy đã có một tác động không nhỏ về mặt đời sống xã hội của người dân địa phương vào mỗi dịp lễ hội hầu hết các gia đình dân cư trong khu vực đều làm dịch vụ phục vụ lễ hội. Họ buôn bán

hàng ăn, giải khát, cho khách nghỉ trọ, giữ xe,... hầu hết các dịch vụ này đều đang tự phát. Theo lời của một số người dân địa phương như chị Diệp (bán quán), anh Lê Thành (chủ lò bánh mỳ) thì mỗi dịp lễ hội về thu nhập từ công việc kinh doanh buôn bán của họ tăng lên hàng chục lần. Phải đón một lượng khách lớn trong vòng hai đến ba ngày nên hầu hết các hộ gia đình ở đây đều có sự chuẩn bị từ rất sớm. Nhìn chung các dịch vụ, các sinh hoạt nơi đây chủ yếu do người dân làm tự phát theo kiểu mạnh ai nấy làm. Không phải những người có trách nhiệm không nhận ra vấn đề này, song, lễ một năm có hai lần, diễn ra trong sáu ngày, đầu tư như thế nào để tối ưu hoá lợi ích trong những ngày lễ nhưng đồng thời không lãng phí trong những ngày còn lại cả năm thì vẫn là bài toán chưa có lời giải. Chúng tôi xin trao đổi thêm một số vấn đề như sau:

a) Mở rộng quy mô lễ hội bằng cách đa dạng hoá hình thức sinh hoạt và các loại hình nghệ thuật. Khôi phục lại các hình thức như Múa Bóng rối, và các sinh hoạt văn hoá dân gian Nam Bộ khác; kéo dài thời gian lễ hội lên 05 – 07 ngày. (Sau khi dự án đi vào hoạt động sẽ có chỗ ăn nghỉ và sinh hoạt giải trí, du lịch cho du khách ở lại lâu hơn).

b) Quy hoạch và hệ thống hoá các loại hình dịch vụ của nhân dân bằng cách xã hội hoá. Điều này không chỉ đảm bảo lợi ích của nhân dân mà còn giải quyết được vấn đề trật tự trị an cũng như thể hiện được nét văn hoá, văn minh của lễ hội.

c) Ngoài những nghi thức như lễ cầu an, lễ cúng thần nông, lễ thỉnh sanh, cần cố định hoá thêm một số hình thức khác nhằm đảm bảo sự thống nhất đồng thời tạo ra nét độc đáo của hai lần lễ hội.

d) Sự kết hợp giữa lễ hội, khu di tích và du lịch là một xu hướng phổ biến hiện nay, nhưng cần phải nhận thức rằng, khu di tích khác với khu du lịch. Không nên xem di tích như một thứ hàng hoá và khai thác nó một cách thiếu tổ chức, thiếu tính chuyên môn. Việc xây miếu tại mộ Hoàng Cô theo chúng tôi là không nên vì đây thực chất là làm mới di tích (nếu không muốn nói là sáng tạo di tích). Đó chưa kể đến việc ngôi mộ này chưa có những cơ sở khoa học để xác định một cách chính xác như tên gọi của nó. Theo các nhà chuyên môn, hiện nay khu di tích Gò Tháp còn tồn tại một số điểm bất cập như: con đường dẫn vào quá cao, xây mới di tích, kiên cố hoá phần di tích khảo cổ vừa phát lộ,... điều này làm phá vỡ bản chất vốn có của một cụm di tích trong quá khứ như tác giả Nguyễn Hiến Lê từng viết: “Chúng tôi đến Tháp, nơi xưa dùng làm tổng hành dinh của Thiên hộ. Lòng tôi hồi hộp như lần đầu tiên thấy núi Hùng. Con đường cũng ngoằn ngoèo như sắp tới núi Tổ. Giồng Tháp tuy không cao nhưng cũng sừng sững trước mặt tôi, trang nghiêm như núi Tổ” (Dẫn theo Nguyễn Hữu Hiếu [9]).

e) Không thể phủ nhận sự kết hợp độc đáo của nhiều hình thức tín ngưỡng trong lễ hội, song, như đã phân tích ở trên, truyền thuyết Thiên hộ Dương có vai trò quan trọng đối với lễ hội Gò Tháp. Để giữ được bản sắc của một lễ hội đồng thời giáo dục cho thế hệ trẻ về tình yêu quê hương đất nước, biết ơn các vị anh hùng, góp phần quan trọng cho sự phát triển lâu dài, bền vững của lễ hội, nên chăng Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp đưa truyền thuyết Thiên hộ Dương vào chương trình văn học địa phương để giảng dạy trong nhà trường; tăng cường những hoạt động ngoại khoá, về nguồn hướng tới chủ đề văn học và văn hoá dân gian địa phương. Như vậy, về lâu dài, mỗi học sinh sẽ là “một tuyên truyền viên” cho truyền thuyết Thiên hộ Dương và lễ hội Gò Tháp. Đó cũng là cách giới thiệu về nét đẹp và niềm tự hào của nhân dân Đồng Tháp một cách rộng rãi hơn.

CHÚ THÍCH

- ¹ *Văn tế nghia sỹ Cần Giuộc.*
- ² Trong cơ cấu thần linh ở Đình Nam Bộ thờ cả thần được sắc phong và thần do dân phong.
- ³ Những hình thức đóng vai, tái hiện trận đánh chỉ được tổ chức vào các năm chẵn, do vấn đề kinh phí.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Hồng Lý, *Lễ hội Gò Tháp (hay lễ hội Bà Chúa Xứ)*,
<http://www.acartculture.org.vn/content.asp> dẫn tạp chí *Văn hoá Nghệ thuật*.
- [2] Lê Văn Kỳ, *Mối quan hệ giữa truyền thuyết người Việt và lễ hội các anh hùng*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 101.
- [3] Nam Trung, *Đồng Tháp di tích lịch sử danh lam thắng cảnh*, Sở Văn hoá - Thông tin Đồng Tháp, 1997, tr. 13.
- [4] Ngô Gia Thư – Võ Duy Dương, *Anh hùng chống Pháp trên đất Tháp Mười*, www.baobinhduong.org.vn.
- [5] Nguyễn Hữu Hiếu, *Chân dung Bà Chúa Xứ ở Nam Bộ*, Hội nghị Thông báo Văn hoá dân gian, 2003.
- [6] Nguyễn Hữu Hiếu, *Tìm hiểu văn hoá tâm linh Nam Bộ*, NXB Trẻ, 2004.
- [7] Nguyễn Hữu Hiếu, *Truyền thuyết Thiên hộ Dương – Đốc binh Kiêu*, Hội Văn học – Nghệ thuật Đồng Tháp, 2006.
- [8] Nguyễn Hữu Hiếu, *Võ Duy Dương với cuộc kháng chiến Đồng Tháp Mười*, NXB Tổng hợp Đồng Tháp, 1992.
- [9] Nguyễn Phan Quang – Võ Xuân Đàn, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến 1884*, NXB TP. Hồ Chí Minh.
- [10] Thượng Hồng, *Anh hùng Võ Duy Dương chống Pháp ở đất Đồng Tháp Mười*, NXB Thanh niên, 2005.
- [11] Võ Phúc Châu, *Truyền thuyết dân gian về cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ*, www.vanchuongviet.org.
- [12] Võ Phúc Châu, *Truyền thuyết dân gian về cuộc khởi nghĩa của Thiên hộ Dương*, www.vanchuongviet.org.
- [13] Võ Phúc Châu, *Truyền thuyết dân gian về cuộc khởi nghĩa của Thủ khoa Huân*, www.vanchuongviet.org.
- [14] Võ Phúc Châu, *Truyền thuyết dân gian về cuộc khởi nghĩa của Trương Định*, www.vanchuongviet.org.